Ký bởi Trung tâm Thông tin
Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh Sơn La
Giờ ký: 2023-09-25T18:01:02.3565354+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 859/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 22 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung công trình, dự án vào danh mục kế hoạch sử dụng đất cấp huyện để thực hiện dự án đầu tư năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sơn La

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư năm 2023 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 174/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục bổ sung cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đầu tư năm 2023 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung diện tích; điều chỉnh thông tin khác của dự án cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết;

Căn cứ Nghị quyết số 176/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung diện tích; điều chỉnh thời gian thực hiện và điều chỉnh thông tin khác của dự án nhà nước thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La tại Tờ trình số: 241/TTr-STNMT ngày 11/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung công trình, dự án vào danh mục kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sơn La, với những nội dung sau:

1. Bổ sung 35 công trình, dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ *(HĐND tỉnh đã thông qua tại Nghị quyết số 173/NQ-HĐND, số 174/NQ-HĐND ngày 18/4/2023*).

(Chi tiết có Biểu số 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện 18 dự án *(HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 175/NQ-HĐND, số 176/NQ-HĐND ngày 18/4/2023).*

(Chi tiết có Biểu số 02 kèm theo)

3. Điều chỉnh thời gian tiếp tục thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện đối với 02 dự án *(HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 176/NQ-HĐND ngày 18/4/2023).*

(Chi tiết có Biểu số 03 kèm theo)

4. Bổ sung 06 dự án đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn thu từ đất năm 2023.

(Chi tiết có Biểu số 04 kèm theo)

5. Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của các huyện: Thuận Châu, Mường La, Quỳnh Nhai, Sốp Cộp, Vân Hồ, Yên Châu và thành phố Sơn La.

(Chi tiết từ Biểu số 5.1 đến Biểu số 5.7 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

1.1. Đôn đốc, tổng hợp, báo cáo việc triển khai thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết.

1.2. Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình phê duyệt điều chỉnh, bổ sung công trình, dự án vào danh mục kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

2. UBND các huyện, thành phố

2.1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Quyết định này ban hành, UBND các huyện, thành phố tổ chức công bố, công khai các công trình, dự án được điều chỉnh, bổ sung vào danh mục kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện; tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đưa đất vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Cập nhật các công trình, dự án được điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

2.3. Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu diện tích, các loại đất thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, xử lý theo quy định.

3. Quyết định này là một phần không tách rời của Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 các huyện: Thuận Châu, Mộc Châu, Vân Hồ, Bắc Yên, Mai Sơn, Quỳnh Nhai, Mường La, Yên Châu, Sốp Cộp và thành phố Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông, Giao thông vận tải; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- TT tỉnh uỷ *(b/c)*;
- TT HĐND tỉnh *(b/c)*;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT- Hiệu 10 bản.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Đặng Ngọc Hậu

Biểu số 01

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m2)								Mục đích sử dụng đất thực hiện dự án	Văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương đầu tư	Ghi chú
			Tổng DT thu hồi (m2)	Diện tích cho phép CMĐSD đất	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			
					Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
	Tổng		**396.474**	**45.291**	**28.222**	**1.841**	**-**	**-**	**15.228**	**351.183**			
I	**Huyện Mường La**		**58.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**58.000**	**-**	**-**	
1	Bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai cấp bách bản Tài Sài, xã Chiềng Lao, huyên Mường La	Xã Chiềng Lao	48.000	-						48.000	ONT	Quyết đinh 105/QĐ-TTg ngày 31/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ	
2	Lát vỉa hè trung tâm thị trấn Ít Ong, huyên Mường La	Thi trấn Ít Ong	10.000	-						10.000	DGT	Nghi quyết 76/NQ-HĐND ngày 8/10/2021 của HĐND huyên Mường La	
II	**Huyện Thuận Châu**		**294.321**	**10.589**	**2.185**	**1.841**	**-**	**-**	**6.563**	**283.732**	**-**		
3	Nhà văn hóa bản Chộ Muông xã Chiềng Pha	Chiềng Pha	1.685	1.685	1.685						DVH	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	
4	Nhà văn hóa bản Sai xã Chiềng Pha	Chiềng Pha	485	-						485	DVH	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m2)								Mục đích sử dụng đất thực hiện dự án	Văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương đầu tư	Ghi chú
			Tổng DT thu hồi (m2)	Diện tích cho phép CMĐSD đất	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			
					Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
5	NVH bản Co Khiết xã Liệp Tè	Liệp Tè	3.000	-						3.000	DVH	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	
6	Đường nội đồng bản Còng, xã Phổng Lăng	Phổng Lăng	750	-						750	DGT	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	
7	Nhà văn hóa bản Co Cài	Co Tòng	340	-						340	DVH	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	
8	Đường giao thông bản Ngà Phát, xã Chiềng Pha	Chiềng Pha	1.500	-						1.500	DGT	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	
9	Đường giao thông bản Ta Khoang	Chiềng Pha	6.000	-						6.000	DGT	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m2)								Mục đích sử dụng đất thực hiện dự án	Văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương đầu tư	Ghi chú
			Tổng DT thu hồi (m2)	Diện tích cho phép CMĐSD đất	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			
					Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
10	Đường Trung tâm xã - Nà Hem - Sam Phổng - Huổi Lương - Thẳm Ổn	É Tòng	9.500	500		500				9.000	DGT	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	
11	Đường giao thông bản Sai	Chiềng Pha	1.700	-						1.700	DGT	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	
12	Đường vào trường Tiểu học, MN xã Bản Lầm	bản Lầm	1.935	680		680				1.255	DGT	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	
13	Đường giao thông bản Chùn	Thôm Mòn	30.000	-						30.000	DGT	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	
14	NVH bản Nong Lào xã Chiềng Pha	Chiềng Pha	785	-						785	DVH	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m2)								Mục đích sử dụng đất thực hiện dự án	Văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương đầu tư	Ghi chú
			Tổng DT thu hồi (m2)	Diện tích cho phép CMĐSD đất	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			
					Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
15	Đường giao thông bản Hán xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha	5.700	-						5.700	DGT	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	
16	Đường liên bản Hán - bản Nà Heo, xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha	30.000	-						30.000	DGT	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	
17	Đường giao thông bản Huổi Lọng	Xã Nong Lay	5.457	-						5.457	DGT	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	
18	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Kiến Xương, phổng Lái	Phổng Lái	17.000	-						17.000	DGT	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND 30/8/2022 của HĐND huyện	
19	Đường giao thông bản Nong Lào, xã Chiềng Pha, huyện Thuận Châu - bản Hua Lỳ, xã Chiềng Khoang, huyện Quỳnh Nhai	Chiềng Pha	5.000	-						5.000	DGT	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND 30/8/2022 của HĐND huyện	
20	Đường vào bản Tịa xã Pá Lông	Pá Lông	5.000	-						5.000	DGT	Nghị quyết số 88/NQ-HDND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND huyện	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m2)								Mục đích sử dụng đất thực hiện dự án	Văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương đầu tư	Ghi chú
			Tổng DT thu hồi (m2)	Diện tích cho phép CMĐSD đất	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			
					Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
21	Cầu Pá Chóng xã Mường Bám	Mường Bám	1.000	500		500				500	DGT	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	
22	Đường giao thông bản Phé xã Thôm Mòn	Thôm Mòn	7.000	-						7.000	DGT	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	
23	Đường vào bản Nà Mắt (cũ) xã púng Tra	Púng Tra	20.000	-						20.000	DGT	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	
24	NVH bản Thái Cóng xã Phổng Lăng	Phổng Lăng	650	-						650	DVH	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	
25	Đường Giao thông bản Song - QL6 xã Chiềng La	Chiềng La	50.000	-						50.000	DGT	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	
26	NVH bản Bó Lanh xã Chiềng Ly	Chiềng Ly	750	-						750	DVH	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	
27	Đường TT xã - Há Khúa- Thẳm Xét, xã Co Tòng	Co Tòng	24.000	-						24.000	DGT	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	
28	NVH bản Cửa Hàng xã Nong Lay	Nong Lay	161	161		161					DVH	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m2)								Mục đích sử dụng đất thực hiện dự án	Văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương đầu tư	Ghi chú
			Tổng DT thu hồi (m2)	Diện tích cho phép CMĐSD đất	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			
					Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
29	Cấp nước sinh hoạt cho các xã Lân cận thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	03 xã (Phổng Lăng, Chiềng Ly, Chiềng Pha)	1.000	500	500					500	DTL	121/NQ-HĐND ngày 31/8/2022, 2344/QĐ-UBND 09/11/2022	
30	Đường vào bản Pú Chứn, xã Long Hẹ	Long Hẹ	41.117	6.563					6.563	34.554	DGT	88/NQ-HDND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022	
31	Đường vào bản Pá Nỷ	Pá Lông	22.806	-						22.806	DGT	88/NQ-HDND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022	
III	**Huyện Yên Châu**		**27.061**	**26.037**	**26.037**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.024**	**-**	**-**	**-**
32	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS thị trấn, huyện Yên Châu	Thị trấn Yên Châu	1.024							1.024	DGD	Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện Yên Châu	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m2)								Mục đích sử dụng đất thực hiện dự án	Văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương đầu tư	Ghi chú
			Tổng DT thu hồi (m2)	Diện tích cho phép CMĐSD đất	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			
					Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
33	Công an huyện Yên Châu	Bản Nghè, xã Sặp Vạt, huyện Yên Châu	26.037	26.037	26.037						CAN	Công văn số 5444/H01-P3 của Bộ Công an về danh mục dự kiến chuẩn bị đầu tư kế hoạch năm 2023 và giai đoạn 2023-2025; Quyết định số 5593/QĐ-H02-P5 ngày 23/11/2022 của Bộ Công an về việc phê duyệt Tổng mặt bằng dự án	
IV	**Thành phố Sơn La**	-	**13.092**	**8.665**	-	-	-	-	**8.665**	**4.427**	-	-	
34	Mở mới tuyến đường kết nối cụm kho K4, Trung đội Vận tải, Tiểu đoàn Bộ binh 1 với thao trường thành phố	Phường Quyết Tâm, Quyết Thắng, thành phố Sơn La	13.092	8.665					8665,2	4.427	CQP	Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La	
V	**Huyện Bắc Yên**		**4.000**	-	-	-	-	-	-	**4.000**	-		
35	Xử lý điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông Km12+078- Km12+290 và bổ sung hệ thống ATGT đoạn Km0 - Km20, ĐT.112	Xã Phiêng Ban, huyện Bắc Yên	4.000	-						4.000	DGT	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường tỉnh năm 2023; Công văn 171/UBND-KT ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh Sơn La	

Biểu số 02

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m2)								Mục đích sử dụng đất thực hiện dự án	Văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương đầu tư	Ghi chú
			Tổng DT thu hồi (m2)	Diện tích cho phép CMĐSD đất	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			
					Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
	Tổng		**1.481.326**	**363.341**	**32.367**	**36.133**	**-**	**12.600**	**282.242**	**1.117.985**			**Diện tích điều chỉnh bổ sung (m2)**
I	**Huyện Mộc Châu**		**3.764**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**3.764**			
1	Hạ tầng khu dân cư tiểu khu 66, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Thị trấn Nông Trường Mộc Châu	3.764	-						3.764	DGT	2413 QĐ-UBND ngày 15/9/2021 huyện Mộc Châu	2.023,7
II	**Huyện Mường La**		**16.300**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**16.300**			
2	Đường dây 220kV Sơn La - Điện Biên	Xã Pi Toong	16.300							16.300	DNL	Quyết định số 191/QĐ-HĐTV ngày 30/11/2020	8.816,0
III	**Huyện Quỳnh Nhai**		**35.000**	**17.500**	**17.500**	**-**	**-**	**-**	**-**	**17.500**			
3	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Phát, xã Cả Nàng, huyện Quỳnh Nhai	xã Cả Nàng	35.000	17.500	17.500					17.500	ONT+DGT	NQ 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh; QĐ 1070/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Điều chỉnh 10.000 m2 từ đất khác sang đất ruộng lúa 2 vụ
IV	**Huyện Sốp Cộp**		**257.620**	**93.360**	**767**	**420**	**-**	**-**	**92.174**	**164.260**			
4	Nâng cấp Đường giao thông từ xã Sam Kha đến xã Mường Lèo huyện Sốp Cộp	Xã Sam Kha, Mường Lèo	197.580	92.380		207			92.174	105.200	DGT	QĐ 1045/QĐ-UBND ngày 29/5/2021 của UBND tỉnh Sơn La	147.580,2
5	Đường giao thông Bản Khá - Huổi Ổ	Xã Púng Bánh	10.066	184		184				9.882	DGT	Quyết định số 2518/QĐ-BQP ngày 02/8/2021 của Bộ Quốc phòng	7.065,9

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m2)								Mục đích sử dụng đất thực hiện dự án	Văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương đầu tư	Ghi chú
			Tổng DT thu hồi (m2)	Diện tích cho phép CMĐSD đất	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			
					Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
6	Đường giao thông Huổi Hin - Huổi Có Pục	Xã Púng Bánh	15.763	-						15.763	DGT	Quyết định số 2518/QĐ-BQP ngày 02/8/2021 của Bộ Quốc phòng	10.763,0
7	Đường giao thông Huổi Luông - Nà Chòm - Pá Khoang - Mốc 161, xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo	34.211	796	767	29				33.415	DGT	Quyết định số 2518/QĐ-BQP ngày 02/8/2021 của Bộ Quốc phòng	Giảm 10.789 m2. Bổ sung thu hồi loại đất ruộng lúa 2 vụ và 01 vụ (trước đây xác định là đất khác).
V	**Huyện Thuận Châu**		**496.098**	**175.402**	**14.100**	**34.000**	**-**	**-**	**127.302**	**320.696**			
8	Đường Bon Phặng - Nậm Lầu	xã Nậm Lầu, Bon Phặng	170.000	52.000	2.000				50.000	118.000	DGT	261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021	Điều chỉnh giảm 130.000 m2 theo hồ sơ thiết kế chi tiết. Điều chỉnh thu hồi 30.000 m2 đất rừng phòng hộ (trước đây xác định là đất khác)
9	Đường lên thao trường huấn luyện huyện Thuận Châu	Thị Trấn Thuận Châu	7.920	3.302					3.302	4.618	DGT	06/NQ-HĐND ngày 18/3/2022	Điều chỉnh thu hồi 3.302 m2 đất rừng phòng hộ (trước đây xác định là đất khác)
10	Chỉnh trang đô thị thị trấn Thuận Châu	Thị Trấn Thuận Châu, xã Chiềng Ly	44.328	100	100					44.228	ODT+DGT	261/NQ-HĐND 11/3/2021	Bổ sung thu hồi 100 m2 đất ruộng lúa 2 vụ
11	Đường tỉnh 116B vào bản Nhốc, Thông, Ỏ, Lạn, xã Mường Khiêng	Xã Mường Khiêng	63.000	-						63.000	DGT	88/NQ-HDND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022	44.100,0
12	Hồ Lăng Luông	Xã Phổng Lăng	200.000	120.000	12.000	34.000			74.000	80.000	DTL	1062/QĐ-UBND 31/5/2021	Điều chỉnh thu hồi 6.000 m2 đất lúa; 80.000 m2 đất rừng phòng hộ (trước đây xác định là đất khác)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m2)								Mục đích sử dụng đất thực hiện dự án	Văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương đầu tư	Ghi chú
			Tổng DT thu hồi (m2)	Diện tích cho phép CMĐSD đất	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			
					Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
13	Đường vào bản Tinh Lá, xã Pá Lông	Pá Lông	10.000	-						10.000	DGT	88/NQ-HDND ngày 29/6/2022 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022	2.000,0
14	Nâng cấp, cải tạo đường phố 23/8 thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	Thị trấn Thuận Châu	850	-						850	DGT	NQ số 53/NQ-HĐND ngày 19/12/2020 của HĐND huyện; QĐ số 1485/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND huyện	416,0
VI	**Huyện Vân Hồ**		**198.000**	**35.079**	**-**	**1.713**	**-**	**12.600**	**20.766**	**162.921**	**-**		
15	Đường giao thông liên xã từ bản Uông, xã Mường Men qua bản Đá Mài, xã Tô Múa - bản Pù Hiềng, xã Mường Tè	xã Mường Men, Tô Múa, Mường Tè	95.000	30.313		1.113		12.600	16.600	64.687	DGT	Quyết định 1687/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	70.000,0
16	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai, sạt lở đất tại bản Dón, bản Tà Phù tại khu TĐC Pu Nhay	xã Liên Hòa, huyện Vân Hồ	103.000	4.766		600			4.166	98.234	ONT+DGT	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh	5.000,0
VII	**Huyện Mai Sơn**		**476.426**	**42.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**42.000**	**434.426**	**-**		
17	Đường giao thông từ tiểu khu 26/3, xã Cò Nòi đến Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn	Xã Cò Nòi, xã Hát Lót, Thị trấn Hát lót	300.000	42.000					42.000	258.000	DGT, ONT	Nghị Quyết số 271/NQ-HĐND ngày 29/4/2021, Nghị Quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10/8/2021,Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 08/11/2022 của HĐND tỉnh Sơn La	Bổ sung thu hồi khu tái định cư (diện tích đất thu hồi giữ nguyên); điều chỉnh giảm 8000 m2 đất rừng phòng hộ sang đất khác

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m2)								Mục đích sử dụng đất thực hiện dự án	Văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương đầu tư	Ghi chú
			Tổng DT thu hồi (m2)	Diện tích cho phép CMĐSD đất	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			
					Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
18	Dự án Khu đô thị mới Cò Nòi	Xã Cò Nòi	176.426	-						176.426	ONT+DGT	Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La và Quyết định số 56/QĐ-BĐSM ngày 28/11/2020 của Công ty CP Bất động sản Mỹ	Điều chỉnh diện tích đất thu hồi giảm 15.670 m2

Biểu số 03

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m2)								Mục đích sử dụng đất thực hiện dự án	Văn bản ghi vốn, QĐ chủ trương đầu tư	Ghi chú
			Tổng DT thu hồi (m2)	Diện tích cho phép CMĐSD đất	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			
					Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
	Tổng		**177.926**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**177.926**			
I	**Huyện Mộc Châu**		**1.500**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.500**			
1	Mương thoát lũ khu vực Khách sạn Mường Thanh	Thị trấn Nông Trường Mộc Châu	1.500	-						1.500	DTL	Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh	
II	**Huyện Mai Sơn**		**176.426**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**176.426**			
2	Dự án Khu đô thị mới Cò Nòi	Xã Cò Nòi	176.426	-						176.426	ONT+DGT	Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La và Quyết định số 56/QĐ-BĐSM ngày 28/11/2020 của Công ty CP Bất động sản Mỹ	